

Bản án số: 10/2020/HS-ST  
Ngày 15 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thiết Hùng.

*Thẩm phán:* Ông Trần Việt Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Quý;  
Ông Hoàng Xuân Bình;  
Ông Thái Văn Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Cúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xét xử số 1, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Thị L**, sinh năm 1988 tại Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị K, sinh năm 1957 (Bố chưa xác định được); chồng: Ông Trần Văn H, sinh năm 1981 và có 02 con: Lớn 10 tuổi, nhỏ sinh ngày 04/11/2019;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2019 đến 19/4/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**2. Phạm Văn Q** (tên gọi khác: B), sinh năm 1972 tại Quảng Trị; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Phạm Văn S (đã mất) và bà Trần Thị T, sinh năm 1935; vợ: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1974 và có 03 con: Lớn nhất 23 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi;

Tiền án: Có 04 tiền án: Ngày 05/3/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 18 tháng tù về tội: “*Trốn khỏi nơi giam*”; ngày 28/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 18/9/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 18/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; ngày 22/6/2011, bị Tòa án huyện Đ xử phạt 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Tiền sự: Ngày 07/8/2018, bị Công an huyện C xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “*Cá cược bằng tiền trong hoạt động thi đấu thể thao*”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**3. Đặng Hữu H** (tên gọi khác: C), sinh năm 1973 tại Quảng Trị; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố A, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hữu Đ (đã mất) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; vợ: Bà Trần Quang N, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 02 con: Lớn 21 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 27 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L:* Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 20 đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q:* Ông Đặng Quang L - Luật sư Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 331 L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hữu H:* Ông Lê Văn H - Luật sư Công ty luật V; địa chỉ: Số 146/01 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Quảng

Trị, có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; trú tại: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, Trần Thị L, trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị điện thoại cho Đặng Hữu H, trú tại: Khu phố A, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nói: “*Em đang ở nhà nghỉ T anh đến gặp em có việc*”. Sau đó, H đón xe taxi đến nhà nghỉ T tại số 02/16, kiệt 174 L thuộc Khu phố A, phường Đ, thành phố Đông Hà gặp L ở phòng 205, tầng 2. Tại đây, L nói: “*Em có 05 gói ma túy anh lấy không*”, H đồng ý và giao cho L 32.500.000 đồng, L nhận tiền rồi về trước. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, H trả phòng nghỉ và đi xuống cầu thang, thấy bất ổn nên đã vứt 05 gói ma túy vào sọt rác của nhà nghỉ T thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang thu giữ tang vật là 05 gói ma túy.

Sau khi bán ma túy cho Đặng Hữu H, Trần Thị L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37B2-933.18 đến nhà Phạm Văn Q, ở tại Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị để kiểm tra chất lượng ma túy mà L đã bán cho Q vào ngày 28/02/2019 thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thu giữ tại phòng ngủ của Q 01 gói ma túy, 03 viên nén màu hồng, 01 viên nén màu xanh.

Mở rộng điều tra, tiến hành khám xét nơi ở của Phạm Văn Q và Q đã tự nguyện giao nộp 26 gói ma túy tổng hợp.

Quá trình điều tra, Trần Thị L và Phạm Văn Q khai nhận: Sáng ngày 24/02/2019, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37B2-933.18 đến nhà Phạm Văn Q, ở tại Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị bán cho Q 10 gói ma túy với giá 65.000.000đồng, Q trả cho L 40.000.000đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Đến sáng ngày 25/02/2019, L tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà Q bán cho Q 20 gói ma túy nhưng chưa lấy tiền. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, Q bán cho 03 người đàn ông tên R, T, P ở thành phố Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ) 03 gói ma túy với giá 25.000.000 đồng. Sau đó, Q bỏ số ma túy này vào 01 ống nhựa và đem giấu vào đóng cũi sau nhà mình. Đến ngày 02/3/2019, Lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại mà L đã bán cho Q.

Quá trình điều tra, đã thu giữ: 01 túi ni long màu đen, kích thước 19x26cm, bên trong có 05 túi ni long có nhiều viên nén màu hồng, màu xanh, các viên nén có dập

chữ WY (04 túi ni long màu xanh, kích thước mỗi túi 9x6,5cm, 01 túi ni long màu hồng, kích thước 9x7 có in chữ A màu trắng); 01 túi ni long trong suốt, kích thước 2,5x4cm bên trong có các hạt+bột tinh thể màu trắng; 01 gói giấy kích thước 3,7x1,7cm, trong các gói giấy này có các hạt+bột tinh thể màu trắng; 01 gói giấy kẽm kích thước 5x1,5cm, một đầu có quần băng keo màu trắng, bên trong có 01 gói giấy màu trắng kích thước 4,7x0,9cm, trong gói giấy có các hạt+bột tinh thể màu trắng; 26 gói ni long kích thước mỗi gói 9x7,5cm (23 gói màu xanh, 03 gói màu hồng có in chữ A) bên trong mỗi gói ni long có nhiều viên nén màu hồng và màu xanh; 04 viên nén (gồm 03 viên màu hồng, 01 viên màu xanh); 01 đoạn ống nhựa dài 34cm, đường kính 9cm, hai đầu có nắp đậy kính; 07 điện thoại di động; 01 sạc điện thoại dự phòng nhãn hiệu evalu; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Văn Q; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen, số máy 08300376, số khung 488A300846, biển kiểm soát 73N7-2485; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu sơn trắng-đỏ-đen, số máy G3D4E784256, số khung RLCUG1010JY019025, biển kiểm soát 37B2-933.18; 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Trần Văn H mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tại L, gồm số AC 0009932489 và số AC 00009932417; 01 áo mưa dơi có nhiều chấm bi tròn màu xanh, đỏ; 01 áo ấm màu đen, bên ngực trái có dòng chữ CDSY; 02 hộp nhựa; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành 154.787.000đồng; 01 trích lục khai sinh của cháu Trần Bảo N; 01 đĩa CDR hiệu Maxell.

\* Tại Bản kết luận giám định số: 276 ngày 07/3/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận:

- Mẫu MQH: Các viên nén màu hồng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu MQH gửi đến giám định có khối lượng 98,7679g là ma túy loại Methamphetamine.

- 10 viên nén màu xanh được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu MQH gửi đến giám định có khối lượng 1,0308g không chứa các chất ma túy thường gặp.

\* Tại bản kết luận giám định 275 ngày 07/3/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận:

- Mẫu M1: Các viên nén màu hồng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M1 gửi đến giám định có khối lượng 484,3575g là ma túy loại Methamphetamine.

30 viên nén màu xanh trong 15 túi ni long màu xanh tím gửi đến giám định có khối lượng 2,7898g không chứa các chất ma túy thường gặp.

22 viên nén màu xanh trong 03 túi ni long màu hồng và 08 túi ni long màu xanh dương có khối lượng 2,2064g là ma túy loại Methamphetamine.

- Mẫu M2: Các viên nén màu hồng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M2 gửi đến giám định có khối lượng 18,4351g là ma túy loại Methamphetamine.

02 viên nén màu xanh được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M2 gửi đến

giám định có khối lượng 0,1989g không chứa các chất ma túy thường gặp.

- Mẫu M3: 01 viên nén màu hồng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M3 gửi đến giám định có khối lượng 0,1136g là ma túy loại Methamphetamine.

03 viên nén màu xanh được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M3 gửi đến giám định có khối lượng 0,3325g không chứa các chất ma túy thường gặp.

Tổng khối lượng: 505,1126g ma túy loại Methamphetamine.

\* Tại bản Kết luận giám định số: 298 ngày 27/3/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Đà Nẵng kết luận: Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) được đựng trong 03 túi ni long không màu, trên miệng túi có viên màu đỏ, niêm phong trong phong bì số MT43-MK gửi đến giám định đều không phải là ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất ma túy. Chất rắn trong màu trắng trong túi này đều là Natri terbonat decahydrat.

Cáo trạng số: 07/CT-VKS-P1 ngày 31/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Trần Thị L, Phạm Văn Q về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS và bị cáo Đặng Hữu H về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Thị L 20 năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Văn Q 20 năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Đặng Hữu H từ 11 đến 13 năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng khác không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu sung công: 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; 01 máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia TA1114; 01 máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu ITEL 2120; 01 máy điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia TA1034; 01 máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia TA1034;

Trả lại cho Trần Thị L 42.000.000 đồng.

Trả lại cho Đặng Hữu H 337.000 đồng.

Trả lại cho Phạm Văn Qu: 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 450052008082, mang tên Phạm Văn Q;

Trả lại cho Phạm Văn Q và vợ là bà Hoàng Thị D: 01 xe mô tô hai nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, biển kiểm soát 73N7-2485 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Hà Văn Q, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, của xe 73N7-2485.

Trả lại cho bà Hoàng Thị D: 30.550.000đồng; 01 máy điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone; 01 máy điện thoại di động màu trắng xám, nhãn hiệu Samsung.

Trả lại cho ông Trần Văn H: 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Trần Văn H, mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tại L, gồm số AC 0009932489 và số AC 00009932417 và 81.900.000đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng-đỏ-đen, biển kiểm soát 37B2-933.18.

Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị L: Đồng ý với ý kiến của vị diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và đề nghị áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 17 đến 18 năm tù. Đề nghị trả lại cho bị cáo 42.000.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Q: Đồng ý với ý kiến của vị diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và đề nghị áp dụng thêm điểm t khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 18 năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Đặng Hữu H: Đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo Trần Thị L, Phạm Văn Q, Đặng Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xét xử các bị cáo với mức hình phạt thấp, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt, sớm hòa nhập cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy

định. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, bà Nhung đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám xét, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào các ngày 24, 28 tháng 02 năm 2019, tại nhà Phạm Văn Q, ở tại Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Trần Thị L đã 02 lần bán cho Phạm Văn Q 505,1126g ma túy loại Methamphetamine. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02 tháng 3 năm 2019, tại nhà nghỉ T, địa chỉ: Số 02/16, kiết 174 L thuộc Khu phố A, phường Đ, thành phố Đông Hà, Trần Thị L tiếp tục bán cho Đặng Hữu H 98,7679g ma túy loại Methamphetamine. Phạm Văn Q, Đặng Hữu H thừa nhận mua ma túy của Trần Thị L với mục đích bán lại cho các đối tượng khác để kiếm lời. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thị L, Phạm Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, với tình tiết định khung tăng nặng: “*...Methamphetamine...có khối lượng 100 gam trở lên*”, được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và hành vi của Đặng Hữu H đã đủ yếu tố cấu thành tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*”, với tình tiết định khung tăng nặng: “*...Methamphetamine...có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”, được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét mức độ, tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì hám lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Trần Thị L: Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng 603,8805gam, rất cao so với mức định lượng trong khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS. Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở*

lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn, tự thú ra những lần mua bán trái phép chất ma túy chưa bị phát hiện, phạm tội khi đang có thai, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc điều tra tội phạm trong các vụ án khác; bản thân bị cáo bị viên gan B mãn tính, là lao động chính hiện đang nuôi 02 con nhỏ: Lớn 10 tuổi, nhỏ chưa đầy 01 tuổi nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo mặc dù có 01 tình tiết tăng nặng nhưng lại có đến 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra mức án ở mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo là đảm bảo tính răn đe.

Đối với Phạm Văn Q: Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng 505,1126g, tuy ít hơn L nhưng vẫn cao so với mức định lượng trong khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tái phạm nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, tự thú ra những lần mua bán trái phép chất ma túy của mình khi chưa bị phát hiện nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối chiếu định lượng, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xét thấy cần đưa ra mức án ngang mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Đối với Đặng Hữu H: Bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng 98,7679g, gần với mức định lượng tối đa trong khung hình phạt quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS. Tuy nhiên cần xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nhưng lại có 03 tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc điều tra tội phạm trong các vụ án được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để đưa ra mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này, Q và H khai nhận có mua ma túy của Đ nhưng cơ quan điều tra chưa chứng minh được việc mua bán này nên chưa có cơ sở để xử lý; Q khai có bán ma túy cho 03 người đàn ông tên R, T, P nhưng cơ quan điều tra chưa chứng minh được lai lịch địa chỉ của 03 người này; H khai Nguyễn Văn L giúp mình



bán ma túy, hiện tại L không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa thể làm rõ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định (có bao gói kèm theo) là vật chất Nhà nước cấm lưu hành, sử dụng; các chất rắn, chất bột cùng bao gói kèm theo, 01 hộp vải, 01 đoạn ống nhựa, 01 áo mưa dơi, 01 áo ấm, 02 hộp nhựa, 01 xạc điện thoại không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 42.000.000 đồng thu trên người L và 30.500.000 đồng (trong tổng số tiền 81.900.000 đồng) thu tại nhà L là tài sản do phạm tội mà có; 05 điện thoại của các bị cáo L, Q, H sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 337.000 đồng thu trên người Đặng Hữu H; xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, kiểm soát 73N7-2485 và 01 (một) giấy đăng ký xe kèm theo là tài sản chung của vợ chồng Phạm Văn Q; 30.550.000 đồng, 01 máy điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone, 01 máy điện thoại di động màu trắng xám, nhãn hiệu Samsung là tài sản của bà Hoàng Thị D (Vợ Q); 51.400.000 đồng (trong tổng số tiền 81.900.000 đồng) thu tại nhà L, 02 (hai) sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Trần Văn H là tài sản của Trần Văn H (Chồng L). Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các chủ sở hữu.

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 37B2-933.18 của bà Nguyễn Thị N, L sử dụng vào việc mua bán ma túy nhưng bà N không biết và không được hưởng lợi gì từ việc mua bán của L nên cần trả lại cho bà N.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Thời hạn tạm giam đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Đặng Hữu H; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Thị L vẫn còn trên 45 ngày nên Hội đồng xét xử không ban hành quyết định tạm giam, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú mới.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **[1]. Về tội danh và hình phạt:**

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Thị L **20 (Hai mươi)** năm tù, về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2019 đến 19/4/2019.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Phạm Văn Q (*tên gọi khác: B*) **20** (*Hai mươi*) năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2019.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Đặng Hữu H (*tên gọi khác: C*) **13** (*mười ba*) năm tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2019.

**[2]. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

*\* Tịch thu, tiêu hủy:*

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu mã số PS3A 071400, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 276/KLGĐ ngày 07/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị bên trong có: Các viên nén màu hồng có khối lượng 97,7491g là ma túy loại Methamphetamine; 0,9111g chất bột màu hồng là ma túy loại Methamphetamine; 0,8333g chất bột màu xanh, không chứa các chất ma túy thường gặp.

- 01 (một) hộp giấy, dán kính. Bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong gồm: Lê Thanh C, Lê Phước Q và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 114/KLGĐ-PC09 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị bên trong có: 01 túi ni lông màu đen, kích thước 19x26cm; 05 túi ni lông, trong đó có 04 túi màu xanh, kích thước mỗi túi 9x6,5cm và 01 túi màu hồng, kích thước 9x7cm có in chữ A màu trắng; 01 túi ni lông trong suốt, kích thước 2,5x4cm; 01 gói giấy (loại giấy kẽm bọc bên trong vỏ thuốc lá) kích thước 4x2cm; bên trong có một gói giấy kích thước 3,7x4,7cm; 01 gói giấy kẽm, kích thước 5x1,5cm, một đầu quấn băng keo màu trắng bên trong có 01 gói giấy màu trắng, kích thước 4,7x0,9cm.

- 01 (một) phong bì số 298/C09C (Đ4), bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Phạm Phú Q và Nguyễn Ngọc N. Theo Kết luận giám định số: 298/C09C (Đ4) ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng bên trong có: 1,831 gam chất rắn dạng tinh thể còn lại sau quá trình giám định và vỏ bao gói.

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu mã số PS2A 050698, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong, hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 275/KLGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị bên trong có:

Mẫu M1: Các viên nén màu hồng có khối lượng 481,61g là ma túy loại Methamphetamine; 0,5689g chất bột màu hồng là ma túy loại Methamphetamine; 0,8407g chất bột màu xanh không có các chất ma túy thường gặp; 1,4892g chất bột màu xanh là ma túy loại Methamphetamine; 25 viên nén màu xanh không có các chất ma túy thường gặp.

Mẫu M2: Các viên nén màu hồng có khối lượng 17,4335g là ma túy loại Methamphetamine; 0,9306g chất bột màu hồng là ma túy loại Methamphetamine; 0,1189g chất bột màu xanh không có các chất ma túy thường gặp.

Mẫu M3: 0,0609g chất bột màu hồng là ma túy loại Methamphetamine; 0,2324g chất bột màu xanh không có các chất ma túy thường gặp. Một phần bao gói sau giám định.

- 01 (một) hộp cattong bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong gồm Phạm Đình N, Lê Phước Q, hình dấu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 296/KLGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Phòng PC09 Công an tỉnh Quảng Trị bên trong có: 04 gói nilon màu hồng bên ngoài có in chữ “A”; 23 gói nilon màu xanh; 01 gói nilon màu trắng.

- 01 (một) xác điện thoại dự phòng, nhãn hiệu evalu, đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp vải màu nâu-đỏ, kích thước 10x11x4,5cm.

- 01 (một) đoạn ống nhựa dài khoảng 34cm, đường kính 9cm, hai đầu có nắp đậy kính.

- 01 (một) áo mưa dơi có nhiều chấm bi tròn màu xanh, đỏ.

- 01 (một) áo ấm màu đen, bên ngực trái có dòng chữ “CDSY”, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) hộp nhựa, gồm 01 (một) hộp trong suốt, hình hộp chữ nhật, kích thước 16x11cm, có nắp đậy hình tròn màu xanh lá, đường kính 11cm, mặt bên hộp có dán giấy nhiều màu, có dòng chữ VIỆT NHẬT và 01 (một) hộp trong suốt, dạng hình trụ tròn, kích thước 17x11cm, có nắp đậy hình tròn màu xanh lam.

*\* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu mã số PS3A 079005, bên ngoài có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, hình dấu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 271/KLGĐ-PC09 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị bên trong có: Một máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, mặt sau có chữ Galaxy S8+, máy đã qua sử dụng.

- Tiền Việt Nam: 72.500.000đ (Bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- 01 (một) túi niêm phong ký hiệu mã số PS2A 054506, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị. Theo kết luận giám định số 314/KLGD-PC09 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, bên trong có: 01 (một) máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Itel 2120; 01 (một) máy điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia TA1034; 01 (một) máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia TA1034; 01 (một) máy điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia TA1114.

\* *Trả lại cho Đặng Hữu H:* Tiền Việt Nam: 337.000đ (*Ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) nhưng giữ lại 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) để đảm bảo việc thi hành án án phí hình sự sơ thẩm..

\* *Trả lại cho Phạm Văn Q:* 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 450052008082, mang tên Phạm Văn Q, sinh ngày 14/8/1972, nơi cư trú: xã C, huyện C, Quảng Trị.

\* *Trả lại cho Phạm Văn Q và vợ là bà Hoàng Thị D:*

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại 125; màu sơn đen, biển kiểm soát 73N7-2485, số máy 08300376, số khung 488A300846, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Hà Văn Q, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, của xe 73N7-2485.

\* *Trả lại cho bà Hoàng Thị D:*

- Tiền Việt Nam: 30.550.000đ (*Ba mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

- 01 (một) máy điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone; 01 (một) máy điện thoại di động màu trắng xám, nhãn hiệu Samsung (có trong túi giấy niêm phong ký hiệu mã số PS2A 054506, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị).

\* *Trả lại cho ông Trần Văn H:*

- 02 (hai) sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Trần Văn H, mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tại L, gồm số AC 00009932489 và số AC 00009932417.

- Tiền Việt Nam: 51.400.000đ (*Năm mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng*).

\* *Trả lại cho bà Nguyễn Thị N:* 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn trắng-đỏ-đen, số máy G3D4E784256, số khung RLCUG1010JY019025, biển kiểm soát 37B2-933.18, đã qua sử dụng.

(*Các vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 5 năm 2020*).

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Buộc các bị cáo Trần Thị L, Phạm Văn Q và Đặng Hữu H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của mình. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm xem xét.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- NBC cho các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị (PC04);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- THA Hình sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: 01 cửa, VP tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Thiết Hùng**